

Số: /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí
thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí;

Căn cứ Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng không khí giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo số 490/TB-VPCP ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà về thực hiện kết luận, chỉ đạo xử lý ô nhiễm môi trường không khí, ô nhiễm các dòng sông trên địa bàn thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2025 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 2530/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục

ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Công văn số 3051/BTNMT-TCMT ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 511/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2025 - 2030.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐND thành phố;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- UBND TP và các hội, đoàn thể TP;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Đà Nẵng;
- Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, ĐT-ĐT, SNNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Nam Hưng

KẾ HOẠCH
Quản lý chất lượng môi trường không khí thành phố Đà Nẵng
giai đoạn 2026 - 2030

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của UBND thành phố Đà Nẵng)*

PHẦN I
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

**I. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ
THÀNH PHỐ**

Sau khi thực hiện việc sáp nhập địa giới hành chính theo Nghị quyết của Quốc hội, địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện nay bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam trước đây. Chất lượng môi trường không khí thành phố Đà Nẵng sau sáp nhập có sự khác biệt giữa các khu vực và biến động theo mùa. Trên cơ sở kết quả quan trắc môi trường không khí giai đoạn 2021–2025, nhìn chung chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố cơ bản đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí. Tuy nhiên, tại một số khu vực, thời điểm nhất định vẫn ghi nhận các thông số ô nhiễm có giá trị tiệm cận hoặc vượt giới hạn cho phép, chủ yếu tập trung tại các khu vực giao thông, khu dân cư gần khu công nghiệp, làng nghề và khu xử lý chất thải.

1. Đối với thành phố Đà Nẵng (cũ)

1.1 Chất lượng môi trường không khí khu vực đô thị

Theo Chương trình quan trắc chất lượng môi trường thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 - 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 3462/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND thành phố, trên địa bàn thành phố hiện có 02 trạm quan trắc môi trường không khí xung quanh tự động, liên tục. Trên cơ sở kết quả quan trắc của 02 trạm, số ngày có chỉ số chất lượng môi trường không khí (AQI) thành phố có giá trị tốt đạt từ 90% - 96% (giá trị chỉ số từ 0÷50).

Đối với thông số bụi PM_{2.5}, kết quả quan trắc dao động từ 0,02 - 29,56 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ (Giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 05:2013 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí là 50 $\mu\text{g}/\text{m}^3$) và kết quả quan trắc thông số bụi PM₁₀ dao động từ 21,51 - 91,7 $\mu\text{g}/\text{m}^3$ (Giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 05:2013 trước đây - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí là 100 $\mu\text{g}/\text{m}^3$).

Tuy nhiên, theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ, tại một số vị trí và thời điểm nhất định vẫn ghi nhận các thông số môi trường không khí vượt giới

hạn cho phép, tập trung chủ yếu tại các nút giao thông lớn như: Ngã tư Cách mạng Tháng Tám - Ông Ích Đường, đường Phạm Hùng - Quốc lộ 1A, ngã ba Hoàng Văn Thái - Tôn Đức Thắng, khu vực trước Bến xe Trung tâm, Ngã ba Huế, Ngã tư Phước Tường,... Nguyên nhân chủ yếu là do mật độ phương tiện giao thông lớn, hoạt động vận chuyển và điều kiện khí tượng bất lợi trong một số thời điểm.

1.2 Chất lượng môi trường không khí khu vực nông thôn

Chất lượng không khí huyện Hòa Vang trước đây ở mức tốt. Tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong phạm vi cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

1.3 Chất lượng môi trường không khí khu vực sản xuất công nghiệp tập trung

Hiện nay chất lượng môi trường không khí tại các Khu công nghiệp/ Khu công nghệ cao (KCN/KCNC) và các Cụm Công nghiệp (CCN) tại thành phố đều ở mức tốt, chưa có dấu hiệu ô nhiễm. Tất cả các thông số quan trắc có giá trị đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

1.4 Chất lượng môi trường không khí làng nghề

Chất lượng môi trường không khí tại khu vực làng nghề và khu khai thác khoáng sản như Làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước (quận Ngũ Hành Sơn), mỏ đá Phước Tường (quận Cẩm Lệ) và mỏ đá Hòa Nhơn (huyện Hòa Vang) nhìn chung cơ bản đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Các thông số O_3 , SO_2 , NO_2 đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT; riêng thông số bụi TSP và PM10 tại một số thời điểm có giá trị vượt quy chuẩn do ảnh hưởng của hoạt động khai thác, sản xuất và vận chuyển vật liệu.

1.5 Chất lượng môi trường không khí tại các khu vực khác

Tại các khu vực khác như: Bãi chôn lấp chất thải rắn Khánh Sơn; khu vực Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang và KCN dịch vụ Thủy sản Thọ Quang thường có sự phản ánh của người dân về mùi hôi.

Nhìn chung, chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (cũ) trong giai đoạn 2021–2024 cơ bản được kiểm soát; tuy nhiên, nguy cơ ô nhiễm cục bộ tại các khu vực giao thông, khu dân cư gần khu công nghiệp, làng nghề và khu xử lý chất thải vẫn còn tồn tại, đòi hỏi phải tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý, kiểm soát nguồn thải trong giai đoạn 2026–2030.

2. Đối với tỉnh Quảng Nam (cũ)

2.1 Chất lượng môi trường không khí tại các nút giao thông

Môi trường không khí tại các khu vực này chủ yếu ô nhiễm bụi và tiếng ồn. Mức độ ô nhiễm hai thông số này có xu hướng giảm dần từ 2021 - 2023 nguyên nhân là ảnh hưởng của dịch Covid-19, mật độ giao thông giảm. Mức độ ô nhiễm bụi và tiếng ồn bắt đầu xu hướng tăng lại từ năm 2023 cho đến nay.

2.2 Chất lượng môi trường không khí tại các khu dân cư

Chất lượng không khí tại các khu vực đô thị cơ bản đáp ứng quy chuẩn, chưa ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm đáng kể, tuy nhiên cục bộ vài đợt tại các đô thị lớn như Tam Kỳ, Hội An, thị trấn Núi Thành vào mùa khô có ô nhiễm nhẹ bụi và tiếng ồn. Diễn biến chất lượng không khí tại các khu dân cư thay đổi theo mùa. Vào mùa khô chất lượng không khí thường kém hơn (tập trung vấn đề ô nhiễm bụi và tiếng ồn ở mức nhẹ và không thường xuyên). Riêng điểm ngay ngã tư thị trấn Ái Nghĩa (cũ) cường độ tiếng ồn và hàm lượng bụi lơ lửng luôn cao hơn so với các vị trí còn lại và vượt mức cho phép, nguyên nhân chính là do lưu lượng phương tiện giao thông qua lại nhiều hơn các khu vực đô thị khác.

2.3 Chất lượng môi trường không khí tại khu dân cư gần KCN, CCN và các Nhà máy

So sánh diễn biến chất lượng không khí qua các năm cho thấy hàm lượng bụi lơ lửng vượt giới hạn cho phép tại các điểm khu dân cư gần KCN-ĐN (KCN Điện Nam – Điện Ngọc) vào tháng 7 năm 2020, tại điểm KCNS (Nhà máy nhiệt điện Nông Sơn) vượt từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2021, tại điểm KCĐQS (KCN Đông Quế Sơn) vượt vào tháng 7 năm 2022. Hàm lượng bụi từ năm 2021 đến nay ở hầu hết các điểm quan trắc đều có xu hướng giảm. Hàm lượng bụi lơ lửng vào mùa mưa giảm rõ rệt so với mùa khô trong cùng năm khi tiến hành đo đạc quan trắc.

Đối với tiếng ồn, kết quả đo được tại các điểm quan trắc hầu hết nằm trong giới hạn quy định theo QCVN 26:2010/BTNMT. Riêng cường độ tiếng ồn tại khu vực KDC gần nhà máy Nhiệt điện Nông Sơn vượt quy chuẩn cho phép vào tháng 1/2021 và tháng 4/2021.

2.4 Chất lượng không khí tại các khu dân cư gần bãi xử lý rác

Giai đoạn 2021-2025, nồng độ các khí H_2S và CH_3SH không có biến động đáng kể và dưới mức tối đa cho phép trong tất cả các đợt quan trắc, riêng nồng độ NH_3 có xu hướng giảm rõ rệt ở hầu hết các điểm quan trắc. Vào mùa khô nồng độ NH_3 có biến động lớn hơn so với mùa mưa.

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

1. Công tác quản lý chất lượng môi trường không khí

1.1. Xây dựng thể chế, chính sách, các giải pháp, các cơ chế phối hợp và vai trò của các bên liên quan

a. Xây dựng thể chế, chính sách

Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trong những năm qua, UBND thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam đã quan tâm chỉ đạo xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, kế hoạch và văn bản chỉ đạo nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất lượng môi trường không khí nói

riêng trên địa bàn thành phố, địa bàn tỉnh.

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam (cũ) và Thành uỷ, HĐND, UBND thành phố Đà Nẵng luôn quan tâm chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà gắn với bảo vệ môi trường. Trên cơ sở các Chỉ thị, quyết định, chỉ đạo của trung ương về công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là môi trường không khí, tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng đã cụ thể hoá thành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh. Trong đó có một số văn bản trọng tâm, cụ thể:

** Đối với thành phố Đà Nẵng (cũ)*

- Quyết định số 6901/QĐ-UBND ngày 16/8/2012 của UBND thành phố về phê duyệt Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND thành phố ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 về việc ban hành kế hoạch xử lý ô nhiễm môi trường tại khu vực Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang, thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2020 - 2025;

- Quyết định số 4929/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2020 – 2030;

- Quyết định số 1099/QĐ-UBND của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố môi trường” giai đoạn 2021 - 2030 ngày 02/4/2021;

- Quyết định số 3462/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Chương trình quan trắc chất lượng môi trường thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 4111/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đầu tư các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng với 13 trạm quan trắc tự động, liên tục¹;

- Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 về việc Ban hành Đề án Bảo vệ môi trường ngành công thương giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1957/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 về Kế hoạch triển khai Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí cacbon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải;

- Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 về phê duyệt Chương

¹ 04 trạm quan trắc nước biển ven bờ, 03 trạm quan trắc nước sông, và 06 trạm quan trắc không khí xung quanh.

trình Quản lý ô nhiễm công nghiệp thành phố Đà Nẵng đến năm 2030;

- Công văn số 128/UBND-ĐTĐT ngày 11/01/2021 về việc tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải;

- Công văn số 471/UBND-ĐTĐT ngày 26/01/2021 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kiểm soát môi trường không khí trên địa bàn thành phố;

- Công văn số 68/UBND-ĐTĐT ngày 06/01/2022 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kiểm soát môi trường không khí trên địa bàn thành phố;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên có văn bản đôn đốc đề nghị các đơn vị có mức lưu lượng xả thải thuộc đối tượng phải thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục và kết nối, tuyên truyền số liệu trực tiếp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, giám sát theo quy định.

** Đối với địa bàn tỉnh Quảng Nam (cũ):*

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/12/2016 của Tỉnh uỷ Quảng Nam về quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 1795/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 về việc phê duyệt Báo cáo hiện trạng tỉnh Quảng Nam năm 2021 “*Chất lượng môi trường không khí - Thực trạng và giải pháp*”;

- Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định về công tác quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Các văn bản về việc tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải trên địa bàn tỉnh (Công văn số 189/UBND-KTN ngày 10/01/2020, Công văn số 2429/UBND-KTN ngày 27/4/2021 và Công văn số 1582/UBND-KTN ngày 21/3/2023);

- Công văn số 1373/SGTVT-KCHT ngày 19/5/2021 về việc chỉ đạo giảm thiểu ô nhiễm môi trường do vận chuyển vật liệu, phế thải xây dựng trên địa bàn.

Qua rà soát cho thấy, hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến công tác quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố (Đà Nẵng và Quảng Nam cũ) đã từng bước được hoàn thiện, cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

b. Công tác quản lý chất lượng môi trường không khí

UBND thành phố Đà Nẵng và UBND tỉnh Quảng Nam đã chỉ đạo các sở,

ngành, địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường không khí theo thẩm quyền. Đồng thời, công tác tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của người dân liên quan đến ô nhiễm môi trường không khí được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Tham vấn ý kiến chuyên gia, đơn vị liên quan trong quá trình tham gia thẩm định các dự án, quy hoạch; xem xét chấp thuận thay đổi hồ sơ môi trường, cấp phép môi trường; rà soát các dự án, cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Công an thành phố/tỉnh đã tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính đối với tình trạng gây ô nhiễm âm thanh (tiếng ồn) của cơ sở hoạt động kinh doanh ăn uống, bar, pub; việc đổ chất thải rắn thông thường trái quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất; kinh doanh; hoạt động vận chuyển khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường làm rơi vãi gây ô nhiễm môi trường khi tham gia giao thông.

- UBND các xã, phường, thị trấn đã tăng cường công tác thanh, kiểm tra; hướng dẫn công tác bảo vệ môi trường cho các đối tượng thuộc địa bàn quản lý.

- Công tác tuyên truyền, triển khai hoạt động bảo vệ môi trường của UBMTTQ VN thành phố và các Sở, ngành, tổ chức Hội, đoàn thể:

+ Tổ chức các chương trình truyền thông nhằm thông tin rộng rãi đến các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước, các cơ quan trung ương, địa phương và cộng đồng về Đề án, các mục tiêu, hành động “Xây dựng Đà Nẵng - thành phố môi trường” giai đoạn 2021 - 2030 của thành phố như lồng ghép định hướng các nội dung triển khai Đề án Thành phố môi trường giai đoạn 2021-2025 trong các hoạt động liên tịch về Bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với UBMTTQ thành phố và các tổ chức Hội, đoàn thể thành phố; ứng dụng công nghệ, kết hợp các kênh thông tin, hình thức trực tuyến, mạng xã hội nhằm truyền thông, tuyên truyền về hoạt động của Đề án một cách ý nghĩa, thiết thực;

+ Hàng năm, UBND thành phố/tỉnh đã ban hành Kế hoạch hưởng ứng Tháng hành động vì môi trường, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam; triển khai Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn; huy động hàng ngàn lượt người tham gia ra quân bảo vệ môi trường.

- Tổ chức thực hiện Chương trình quan trắc chất lượng môi trường thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 3462/QĐ-UBND ngày 01/11/2021; đồng thời, tăng cường đầu tư hạ tầng về quan trắc môi trường của thành phố².

² UBND thành phố ban hành Quyết định số 4111/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đầu tư các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng với 13 trạm

- Xây dựng Đề án di dời các cơ sở sản xuất ở các làng nghề vào các cụm công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu: Sở Công Thương đã báo cáo nội dung liên quan đến Đề án “Xây dựng lộ trình di dời các cơ sở sản xuất điêu khắc đá tại Làng nghề đá mỹ nghệ Non nước vào cụm công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu”.

- Đảm bảo đầu tư toàn diện công tác xử lý chất thải rắn an toàn, an ninh nguồn rác trên địa bàn thành phố đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050. Trên cơ sở cơ chế đặc thù đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 136/2024/QH15 (Khoản 6 Điều 11), thành phố đang triển khai thực hiện các hồ sơ thủ tục liên quan để đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Thành phố cũng đã đầu tư kiện toàn hạ tầng các trạm trung chuyển quy hoạch đảm bảo khoảng cách vệ sinh môi trường, đầu tư công nghệ ép hiện đại, có hệ thống xử lý chất thải phát sinh thứ cấp (mùi, khí thải, nước thải,...) đảm bảo quy chuẩn trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Thành phố cũng đã ban hành kế hoạch xử lý ô nhiễm môi trường tại khu vực Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang, thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2020 - 2025. Thực hiện tuần tra, thanh tra và xử phạt vi phạm; giám sát thu gom rác trên tàu cá, mặt nước và khu vực; tổ chức ra quân vệ sinh môi trường, tuyên truyền vận động đông đảo bà con ngư dân, tiểu thương, doanh nghiệp tham gia VSMT; lắp đặt các camera để giám sát, quản lý và xử lý các hành vi xả rác, nước thải vào khu vực Âu thuyền và Chợ cá, ...

- Các Sở, ngành và địa phương đã tích cực tổ chức tuyên truyền và tổ chức hưởng ứng Lễ phát động Tết trồng cây và tổ chức trồng cây, trồng rừng, trên địa bàn thành phố trên cơ sở triển khai thực hiện Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025”. Đồng thời, UBND thành phố cũng giao Sở Xây dựng thực hiện xây dựng và triển khai Đề án quy hoạch và phát triển hệ thống cây xanh đô thị thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 - 2030.

c. Cơ chế phối hợp, chia sẻ, công khai thông tin, dữ liệu về chất lượng môi trường không khí

Việc phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các sở, ban, ngành và UBND các địa phương trong công tác quản lý chất lượng môi trường không khí từng bước được tăng cường. Hằng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND thành phố/UBND tỉnh ban hành Báo cáo hiện trạng môi trường thành phố/tỉnh trong đó có nội dung về chất lượng môi trường không khí, và thực hiện công khai theo quy định, góp phần cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách và giám sát của cộng đồng.

1.2 Hiệu quả công tác quản lý chất lượng môi trường không khí

Thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đà Nẵng đã xây dựng Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố Môi trường” và

đã được UBND thành phố ban hành tại Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 21/8/2008. Trải qua hơn 12 năm từng bước xây dựng, thực hiện, hoàn thiện và cải cách, những giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí đã đạt được những thành tựu ban đầu, làm cơ sở để UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 02/04/2021 về phê duyệt Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố môi trường” giai đoạn 2021 - 2030, đánh dấu bước đột phá quan trọng trong công cuộc bảo vệ môi trường, phát triển bền vững của thành phố, xây dựng nên các biện pháp quản lý chất lượng môi trường không khí của Đề án trong giai đoạn 2021 - 2030. Kết quả việc triển khai công tác quản lý chất lượng môi trường không khí tại thành phố Đà Nẵng cụ thể như sau:

- Chỉ số chất lượng không khí thành phố (AQI) đạt <100;
- Tỷ lệ xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng đạt 100%;
- Độ ồn đạt mục tiêu, theo kết quả quan trắc định kỳ độ ồn tại khu vực dân cư < 60 dB(A); đường phố < 75 dB(A);
- Tỷ lệ che phủ rừng thành phố đạt 57,99% (trong đó: thành phố Đà Nẵng cũ là 44,77 %; tỉnh Quảng Nam cũ là 59,63%), cao hơn mức bình quân cả nước (42%);
- Theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020, trên địa bàn thành phố có 04 cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng. Đến năm 2018, thành phố đã hoàn thành xử lý triệt để 04/04 cơ sở, đạt tỷ lệ 100%;
- 100% phương tiện vận tải công cộng bằng xe buýt mới đạt tiêu chuẩn khí thải Euro 4 trên tổng số xe buýt đầu tư mới;
- Tỷ lệ cơ sở, khu sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung đang hoạt động đã lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường địa phương theo quy định đạt 57,14%.
- Số lượng phương tiện vận tải đường bộ (xe con, xe ca, xe tải) được kiểm định về môi trường đạt tỷ lệ 100%.
- Công tác huy động các nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải rắn, phân loại rác thải tại nguồn, quản lý rác thải nhựa đạt được hiệu quả, thu hút sự quan tâm, hỗ trợ của các tổ chức trong, ngoài nước.

1.3. Các vấn đề bất cập, tồn tại trong công tác quản lý chất lượng môi trường không khí

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý trong giai đoạn vừa qua, cụ thể như sau:

- Hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập, thay đổi thường xuyên, gây khó khăn trong công tác quản lý.

- Chưa có văn bản pháp lý, cơ chế, chính sách hay chương trình, nhiệm vụ riêng cho công tác quản lý chất lượng môi trường không khí để làm rõ tầm quan trọng.

- Số lượng các trạm quan trắc môi trường không khí xung quanh tự động, liên tục chưa nhiều nên việc chia sẻ, cung cấp thông tin quan trắc chất lượng môi trường không khí chưa đáp ứng với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu quản lý.

- Công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí đối với các nguồn lân cận (liên tỉnh) chưa có cơ chế phối hợp để kiểm soát.

- Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường đã cũ, không còn phù hợp với tình hình hiện nay, cũng như hướng dẫn liên quan đến giám sát chất lượng môi trường không khí chưa đầy đủ, nhất là quy định về tài chính gây khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Vẫn còn xen kẽ các hộ sản xuất nằm trong khu dân cư với quy mô sản xuất nhỏ, diện tích chật hẹp, hoạt động manh mún, công nghệ sản xuất lạc hậu, chưa đầu tư kinh phí cho xử lý môi trường; ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường còn hạn chế.

- Hiện nay, pháp luật chưa có quy định cụ thể về kiểm soát khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy đang lưu hành... không có cơ sở pháp lý để triển khai công tác kiểm soát, xử lý các phương tiện xe mô tô, xe gắn máy không đảm bảo các quy định về khí thải.

- Vấn đề quản lý chất thải rắn sinh hoạt vẫn còn bất cập: Nhận thức, ý thức của một số người dân còn hạn chế, vẫn còn tình trạng xả rác không đúng nơi quy định, nhất là tại khu vực nông thôn hoặc một số khu vực công cộng, xuống lòng sông, kênh mương. Đồng thời, trong quá trình vận hành các khu xử lý chất thải còn nhận được phản ánh về mùi hôi, ô nhiễm.

- Tỷ lệ người dân sử dụng phương tiện công cộng còn khá thấp; việc chuyển từ phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng nhiên liệu sinh học, điện còn chậm; tình trạng đốt phụ phẩm nông nghiệp tự phát sau thu hoạch vẫn còn xảy ra.

- Chưa có hướng dẫn của Trung ương về việc đánh giá tác động về nguy cơ ô nhiễm môi trường không khí đến bệnh tật, sức khỏe cộng đồng.

- Tình trạng chất thải chăn nuôi chưa được xử lý triệt để còn xảy ra, làm tăng nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên là cơ sở để thành phố Đà Nẵng xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí trong giai đoạn 2026–2030, phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Hiện trạng quan trắc môi trường không khí

2.1. Trạm quan trắc tự động, liên tục

a. Trạm quan trắc tự động, liên tục do Nhà nước đầu tư

Duy trì vận hành 02 trạm quan trắc tự động, liên tục đã được đầu tư trong giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

- Trạm tại Ngã 3 Phạm Hùng - Quốc lộ 1A;
- Trạm tại Trung tâm Văn hóa Thể thao phường Ngũ Hành Sơn.

Giai đoạn 2026-2030, tiếp tục đưa vào vận hành 01 trạm tại Hạt kiểm lâm liên quận Sơn Trà – Ngũ Hành Sơn đã được đầu tư xây dựng nhưng đang sửa chữa và xây dựng 03 trạm quan trắc tự động, liên tục theo dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt tại Quyết định số 4111/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng (cũ), cụ thể:

- Trạm tại số 06 Đông Giang, phường An Hải (Trụ sở Trung tâm hành chính quận Sơn Trà - cơ sở II (cũ)).
- Trạm tại Trung tâm hành chính phường Thanh Khê;
- Trạm tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên số 3 – Cơ sở II, xã Hòa Vang.

Đồng thời, trong quá trình triển khai chương trình quan trắc, tiếp tục đề xuất đầu tư mở rộng các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục trên cơ sở theo dõi, đánh giá chất lượng môi trường, quá trình theo dõi các kiến nghị, phản ánh của người dân, cũng như tính cấp thiết theo thời điểm. Việc đầu tư các Trạm quan trắc chất lượng không khí xung quanh tự động, liên tục phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản và yêu cầu về đặc tính kỹ thuật tại Điều 30 và Điều 31 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

b. Trạm quan trắc tự động, liên tục do doanh nghiệp đầu tư

Danh sách các đơn vị thuộc đối tượng đã thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động tại thành phố Đà Nẵng được thể hiện tại Bảng 1, cụ thể:

Bảng 1. Danh sách các đơn vị thuộc đối tượng đã thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động theo quy định

TT	Tên Cơ sở	Chủ cơ sở	Địa chỉ hoạt động
1	Công ty TNHH MTV Xi măng Miền Trung	Công ty TNHH MTV xi măng Miền Trung	Xã Hoà Tiến
3	Mỏ than Nông Sơn	Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV	xã Nông Sơn (trước đây thuộc huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam)
4	Nhà máy xi măng Xuân Thành	Công ty TNHH MTV xi măng Xuân Thành Quảng Nam	Xã Thạnh Mỹ (trước đây thuộc thị trấn Thạnh Mỹ, Nam Giang, Quảng Nam)

2.2. Các điểm quan trắc định kỳ

- Tại khu vực thành phố Đà Nẵng (cũ)

Việc bố trí các điểm quan trắc định kỳ được thực hiện trên cơ sở kế thừa mạng lưới giai đoạn 2021–2025; đảm bảo đại diện cho các loại hình nguồn thải chính (giao thông, khu dân cư, khu công nghiệp, khu xử lý chất thải rắn), khu vực nhạy cảm về môi trường và sức khỏe cộng đồng; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển không gian đô thị và công nghiệp của thành phố.

+ Kế thừa các vị trí của mạng lưới quan trắc môi trường giai đoạn 2021 - 2025 với **06 điểm** quan trắc, bao gồm:

01 điểm quan trắc giao thông tại Đường vào mỏ đá Hoà Nhơn (KQHN);

03 điểm tại trung tâm các khu dân cư (Trạm tại số 06 Đông Giang, phường An Hải (KAH); Trạm tại UBND phường Thanh Khê (KTK); Trạm tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên số 3, xã Hoà Vang (KHV));

02 điểm tại Khu dân cư gần KCN, làng nghề (KCN Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng (KCTS); Khu dân cư gần Làng nghề Đá Mỹ nghệ Non Nước (KLNĐ)).

+ Đề xuất bổ sung **06 điểm** quan trắc mới trong giai đoạn 2026 - 2030 như sau: **02 điểm** quan trắc giao thông (*Nút giao Cách mạng Tháng Tám và Lê Thanh Nghị (KCMT8), Nút giao Nguyễn Hữu Thọ - Duy Tân (KNHT)*); **02 điểm** Khu dân cư gần KCN (*KCN Hoà Khánh (KCHK); KCN Liên Chiểu (KCLC)*); **01 điểm** Khu dân cư gần Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Khánh Sơn (KRKS); **01 điểm** quan trắc nền tại Hải Vân (KNHV).

- Tại khu vực Quảng Nam (cũ)

+ Kế thừa các vị trí của mạng lưới quan trắc môi trường giai đoạn 2021 - 2025 với **29 điểm** quan trắc, bao gồm:

08 điểm quan trắc giao thông (Nút giao QL1A với ĐT 609 (KQ09); Nút giao QL1A với ĐT 610 (KQ10); Nút giao QL1A với ĐT 611 (KQ11); Nút giao QL1A với ĐT 613 (KQ13); Nút giao QL 1A với đường Phan Bội Châu, phường Bàn Thạch (KQTK); Nút giao QL1A với ĐT 618, xã Núi Thành (KQ18); QL1A tại cầu trục KCN cơ khí ô tô Chu Lai – Trường Hải; Điểm giao QL14B với ĐT 609B, xã Đại Lộc (KQ14B);

09 điểm tại trung tâm các khu dân cư (Trung tâm hành chính xã Đại Lộc (KĐDL); Trung tâm hành chính xã Điện Bàn (KĐĐB); Trung tâm phường Hội An (KĐHA1); Trung tâm khu phố cổ Hội An (KĐHA2); Khu phố Châu Hiệp, xã Nam Phước (KĐDX); Trung tâm hành chính xã Quế Sơn (KĐQS); Trung tâm hành chính xã Thăng Bình (KĐTB); KDC gần Ngã ba Nguyễn Du – Nguyễn Chí Thanh, phường Tam Kỳ (KĐTK1); KDC gần Ngã tư Nguyễn Văn Linh - Quang Trung, xã Núi Thành (KĐNT)

08 điểm tại Khu dân cư gần KCN (KDC gần Nhà máy xi măng Xuân Thành, xã Thanh Mỹ (KCXT); KDC gần CCN Đại Quang, xã Hà Nha (KCDQ); KDC gần CCN Đại Tân, xã Phú Thuận (KCDT); KDC gần KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Bàn Đông (KCDN-ĐN); KDC gần Nhà máy nhiệt điện Nông Sơn, xã Nông Sơn (KCNS); KDC gần KCN Đông Quế Sơn, xã Xuân Phú (KCDQS); KDC gần KCN Tam Thăng, phường Bàn Thạch (KCTT); KDC

gần KCN và hậu cần cảng Tam Hiệp, xã Núi Thành (KCTH);

04 điểm tại Khu dân cư gần khu xử lý rác (KDC gần Khu chứa và xử lý rác thải Đại Hiệp, xã Đại Lộc (KRĐH); KDC gần Khu chứa và xử lý rác thải Tam Xuân 2 – xã Tam Xuân (KRTX); KDC gần Khu chứa và xử lý rác thải Tam Nghĩa - xã Núi Thành (KRTN1); KDC gần Khu chứa và xử lý rác thải Bàu Ốc Thượng, phường Hội An Tây (KRHA).

+ Đề xuất bổ sung **04 điểm** quan trắc mới trong giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

01 điểm Khu dân cư gần CCN Tây An, xã Duy Xuyên (KCTA) để đánh giá tác động của CCN Tây An đến chất lượng môi trường không khí KDC (CCN có nhiều công ty, nhà máy sử dụng lò hơi như may, giấy, dệt,..); **01 điểm** Khu dân cư thôn Hòa Đông, xã Núi Thành (KRTN2) để đánh giá tác động của bãi rác Nam Quảng Nam đến KDC gần nhất; **01 điểm** quan trắc nền tại Phú Ninh (KNPN); **01 điểm** Khu dân cư tại Bãi Làng, Cù Lao Chàm (KCLA) để theo dõi chất lượng môi trường tại khu vực tập trung dân cư, hoạt động dịch vụ du lịch và giao thông thủy.

Bảng 2. Thống kê các điểm quan trắc không khí xung quanh tại thành phố Đà Nẵng mới

TT	Vị trí quan trắc	Số điểm kế thừa	Số điểm mới	Số điểm bỏ	Tổng số
1	Giao thông	11 (1)	02	0	12 (1)
2	Khu dân cư	14 (5)	02	0	16 (5)
3	KDC gần KCN, nhà máy, làng nghề	10	03	0	13
4	KDC gần Khu chứa và xử lý rác thải	04	02	0	6

Chú thích: Trong ngoặc () là số lượng Trạm quan trắc tự động, liên tục

2.3. Xác định và đánh giá các nguồn phát thải khí thải chính; ước tính tải lượng phát thải

2.3.1. Xác định và đánh giá các nguồn phát thải khí thải chính

a. Nguồn điểm

Nguồn phát thải điểm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chủ yếu là các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp quy mô lớn đang hoạt động phân tán trong khu vực nội thành, khu dân cư, nằm ngoài khu công nghệ cao, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Thành phố Đà Nẵng đã có chủ trương di dời các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp lớn vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung. Điển hình là các loại hình sản xuất, như: gia công cơ khí, gò hàn, gỗ, sơ chế thủy sản... thông số ô nhiễm chủ yếu là bụi, tiếng ồn, mùi hôi.

b. Nguồn di động

Nguồn thải di động phát sinh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được xác định là khí thải từ hoạt động giao thông vận tải: các phương tiện giao thông cơ

giới đường bộ (xe máy, xe ô tô, xe buýt), đường sắt, hàng không và hoạt động vận tải đường thủy. Hoạt động giao thông vận tải được xem là một trong những nguồn gây ô nhiễm lớn đối với môi trường không khí đô thị. Hoạt động giao thông vận tải được xem là một trong những nguồn gây ô nhiễm không khí chủ yếu tại các đô thị lớn. Các chất gây ô nhiễm không khí chủ yếu sinh ra do khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu động cơ bao gồm: CO, SO₂, NO_x, hơi xăng dầu (VOC_s), bụi PM₁₀,... và bụi do đất cát cuốn bay lên từ mặt đường phố trong quá trình di chuyển (TSP).

c. Nguồn diện

Các nguồn diện phát sinh khí thực hiện ước tính phát thải trên địa bàn TP. Đà Nẵng bao gồm:

- Hoạt động tại Khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Hiện tại Thành phố hiện có 01 khu công nghệ cao (KCNC), 19 khu công nghiệp (KCN) và 63 cụm công nghiệp (CCN). Riêng KCN Dịch vụ thủy sản Đà Nẵng là khu có đặc thù sản xuất chế biến thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá.

- Hoạt động tại Làng nghề: Hiện tại Thành phố có 31 làng nghề phát sinh bụi, khí thải (TSP, PM) trong quá trình hoạt động.

- Các mỏ khai thác đá nằm trên địa bàn huyện Hoà Vang ở khu vực Hòa Nhơn, Hòa Sơn, Hòa Minh (Đà Nẵng cũ); huyện Núi Thành (Quảng Nam cũ)...

- Xử lý chất thải rắn:

- + Thành phố Đà Nẵng cũ: có 01 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Khánh Sơn, trung bình mỗi ngày tiếp nhận 1.467 tấn (kết quả thu thập số liệu 8 tháng đầu năm 2024) và đang sử dụng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh.

- + Tỉnh Quảng Nam cũ: Đối với thành phố Hội An cũ, bãi rác của thành phố hiện đã quá tải, là bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, không đạt chuẩn hiện do Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Hội An quản lý vận hành. Đối với một số khu vực đồng bằng thuộc huyện/thành phố Núi Thành, Tam Kỳ, Phú Ninh, Tiên Phước, Hiệp Đức, Quế Sơn, Thăng Bình cũ, rác thải được đưa về 02 bãi chôn lấp hợp vệ sinh tập trung (Khu xử lý rác thải Tam Nghĩa tại xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành và Khu xử lý rác thải Tam Xuân 2 tại xã Tam Xuân II, huyện Núi Thành) do Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Quảng Nam đang quản lý vận hành; đối với các huyện/thị xã Đại Lộc, Duy Xuyên và Điện Bàn, rác thải được đưa về Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Bắc Quảng Nam tại xã Đại Lộc do Công ty Cổ phần Môi trường Huy Hoàng Eco làm chủ đầu tư; đối với huyện Quế Sơn cũ, rác thải được xử lý tại bãi chôn lấp quy mô cấp xã (Bãi rác Đông Phú); đối với các xã miền núi, rác thải được xử lý tại các bãi rác quy mô nhỏ gồm: Bãi rác xã Ba - huyện Đông Giang (nay là xã Sông Vàng), Bãi rác Trà Sơn - huyện Bắc Trà My (nay là xã Trà My), Bãi rác Khâm Đức - huyện Phước Sơn (nay là xã Khâm Đức), Bãi rác Thạnh Mỹ, Bãi rác Chaval - huyện Nam Giang (nay là xã Thạnh Mỹ và xã Nam Giang), Bãi rác Atiêng - huyện Tây Giang (nay là xã Tây Giang), Bãi rác Quế Trung - huyện Nông Sơn (nay là xã Nông Sơn). Riêng các xã thuộc huyện Nam Trà My (cũ) chưa đầu tư bãi chôn

lắp hợp vệ sinh, vẫn còn xử lý tại các bãi rác tạm.

- Hoạt động xây dựng: Hoạt động thi công các công trình xây dựng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải xây dựng diễn ra ở nhiều nơi trên địa bàn tỉnh. Hoạt động xây dựng phát sinh chủ yếu là bụi từ quá trình đào lấp đất, phá dỡ công trình cũ, vận chuyển vật liệu xây dựng bị rơi vãi.

- Hoạt động chăn nuôi trên địa bàn thành phố tồn tại ở hai loại hình: Hoạt động chăn nuôi tập trung và chuyển dần theo hướng tập trung, quy mô hợp lý, đảm bảo vệ sinh môi trường gắn với an toàn dịch bệnh, sử dụng các giống vật nuôi có năng suất, chất lượng tốt, nhiều mô hình chăn nuôi mới, có hiệu quả đã được du nhập và nhân rộng như: mô hình nuôi heo rừng, dê thâm canh, gà Ai cập, thỏ Newzeland, gà đồi... Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở chăn nuôi chưa đầu tư thu gom, xử lý chất thải mà xả trực tiếp ra môi trường.

2.3.2. Ước tính và dự báo tải lượng hiện trạng các nguồn phát thải

Trên cơ sở dữ liệu thống kê từ Quy hoạch Thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phương án phát triển của các ngành kinh tế, xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, Đề án Thành phố môi trường giai đoạn 2021 - 2030,... kết quả ước tính hiện trạng và dự báo đến năm 2030 nguồn phát thải được tổng hợp tại Bảng 3 và Bảng 4.

Bảng 3. Kết quả ước tính tải lượng phát thải

STT	Nguồn	Mức phát thải (tấn/năm)						
		CO	HC	NO _x	SO ₂	TSP	PM ₁₀	PM _{2.5}
I	Nguồn điểm	6,1	0,0	0,7	0,0	196,9	166,1	92,5
1	Dệt may	6,1	-	0,7	-	20,6	7,5	4,4
2	Xi măng	-	-	-	-	176,2	158,6	88,1
II	Nguồn di động	180.202,6	15.238,2	8.067,6	2.029,1	3.526,9	504,6	29,4
1	Ô tô	3.298,1	388,0	1.566,9	0,3	1.365,5	458,9	6,1
2	Xe máy	175.933,6	14.843,0	1.600,7	0,4	1.833,6	43,7	23,3
3	Xe buýt	26,0	7,2	293,0	0,0003	8,2	0,1	0,04
4	Máy bay	175,2	-	417,1	23,4	3,7	-	-
5	Tàu hỏa	19,7	-	68,9	0,01	-	2,0	-
6	Cảng	750,0	-	4.121	2.005	316	-	-
III	Nguồn điện	608,9	309,2	5.971,3	44.759,2	3.734,6	718,4	6,7
1	KCN/CCN	608,9	309,2	5.970,9	44.759,1	2.275,6	-	-
2	Xây dựng	-	-	-	-	1.374,6	689,0	-
3	Làng nghề	-	-	-	-	24,5	-	-
4	Chăn nuôi	-	-	0,4	-	53,1	26,4	5,1
5	Trồng trọt	0,002	-	0,01	0,02	-	0,02	0,1
6	Mỏ đá	-	-	-	-	6,8	3,04	1,5
IV	Tổng	180.817,5	15.547,3	14.039,6	46.788,3	7.458,4	1.389,1	128,7

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Môi trường

Bảng 4. Kết quả dự báo tải lượng phát thải đến năm 2030

Stt	Nguồn	Mức phát thải (tấn/năm)						
		CO	HC	NO _x	SO ₂	TSP	PM ₁₀	PM _{2.5}
I	Nguồn điểm	6,1	0,0	0,7	0,0	196,9	166,1	92,5
1	Dệt may	6,1	-	0,7	-	20,6	7,5	4,4
2	Xi măng	-	-	-	-	176,2	158,6	88,1
II	Nguồn di động	311.117,2	26.437,4	15.506,0	3.392,7	7.673,4	1.422,8	57,7
1	Ô tô	9.673,4	1.138,0	4.595,9	0,9	4.005,0	1.346,0	17,9
2	Xe máy	299.769,4	25.290,7	2.727,4	0,7	3.124,1	74,4	39,7
3	Xe buýt	31,2	8,6	351,6	0,0003	9,8	0,1	0,04
4	Máy bay	369,7	-	880,1	49,3	7,7	-	-
5	Tàu hỏa	23,6	-	82,57	0,01	-	2,4	-
6	Cảng	1250,0	-	6868,33	3341,67	526,67	-	-
III	Nguồn điện	1.132,7	551,1	8.136,2	71.931,2	5.872,5	996,4	8,0
1	KCN/CCN	1.132,7	551,1	8.135,7	71.931,2	3.883,3	-	-
2	Xây dựng	-	-	-	-	1.915,8	960,3	-
3	Chăn nuôi	-	-	0,5	-	66,4	33,0	6,4
4	Trồng trọt	0,002	-	0,01	0,02	-	0,02	0,1
5	Mỏ đá					6,9	3,08	1,5
	Tổng	311.006,0	26.988,4	16.774,6	71.982,2	13.157,2	2.535,3	130,7

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Môi trường

2.4. Mô hình hóa chất lượng môi trường không khí

Bản đồ chất lượng môi trường không khí được mô phỏng trên phần mềm AERMOD. Nguồn dữ liệu đầu vào là gió (tốc độ gió và hướng gió), nhiệt độ, áp suất khí quyển, độ ổn định khí quyển, độ cao xáo trộn, lượng mưa, độ che phủ của mây, hiện trạng chất lượng môi trường không khí 6 tháng năm 2022 từ các nguồn điểm, nguồn di động và nguồn điện từ kết quả ước tính. Các kịch bản tính toán mô phỏng được trình bày tại Bảng 5, cụ thể như sau:

Bảng 5. Kết quả dự báo tải lượng phát thải đến năm 2030

STT	Kịch bản	Mô tả
1	KB1	Hiện trạng chất lượng môi trường không khí mùa khô
2	KB2	Hiện trạng chất lượng môi trường không khí mùa mưa
3	KB3	Dự báo chất lượng môi trường không khí mùa khô năm 2030
4	KB4	Dự báo chất lượng môi trường không khí mùa mưa năm 2030

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Môi trường

Theo kết quả mô hình KB1 và KB2, khu vực khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng có thông số PM_{2.5} vượt QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 24h). Nồng độ PM_{2.5} đạt giá trị cực đại (95,5 µg/m³) tại vị trí (833000mE, 1781500mN) cuối đường 14B. Các thông số khác đều nằm trong giới hạn cho phép. Vào mùa mưa, tất cả các thông số còn lại đều nằm trong giới hạn cho phép.

Theo kết quả mô hình KB3 và KB4, vào mùa khô, khu vực khu công nghiệp Hòa Khánh mở rộng có thông số $PM_{2.5}$ và PM_{10} vượt QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 24h). Nồng độ $PM_{2.5}$ và PM_{10} đạt giá trị cực đại ($158,895 \mu\text{g}/\text{m}^3$ và $167,099 \mu\text{g}/\text{m}^3$) tại vị trí (833000mE, 1781500mN) cuối đường 14B. Các thông số khác đều nằm trong giới hạn cho phép. Vào mùa mưa, trừ thông số $PM_{2.5}$ vượt QCVN, các thông số còn lại đều nằm trong giới hạn cho phép.

III. PHÂN TÍCH, NHẬN ĐỊNH NGUYÊN NHÂN GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

- *Hoạt động phát triển công nghiệp:* Việc mở rộng và phát triển các KCN/CCN mới cũng gia tăng tải lượng các nguồn ô nhiễm cho môi trường không khí. Ô nhiễm không khí từ các hoạt động công nghiệp là: Phần lớn là bụi lơ lửng do hoạt động giao thông, san lấp nền hoặc bụi từ hoạt động xay nghiền xi măng của trạm trộn; các chất thải ô nhiễm phát sinh (CO, HC) từ lĩnh vực công nghiệp chủ yếu do quá trình đốt nhiên liệu hóa thạch (dầu FO, than đá... các loại); Ô nhiễm mùi hôi (SO_2) với các hoạt động phát sinh từ quá trình phân hủy các chất thải, chế biến thủy sản đông lạnh, từ quá trình sấy sản phẩm của các nhà máy sản xuất thức ăn nuôi tôm tại KCN Dịch vụ thủy sản ...; Ô nhiễm tiếng ồn nguồn phát sinh chủ yếu do xe lưu thông trên đường, các Doanh nghiệp đập, cán thép...

- *Hoạt động giao thông vận tải:* Đô thị hóa nhanh kết hợp với nhu cầu đi lại tăng cao từ đó gia tăng số lượng phương tiện di chuyển trên địa bàn làm tiêu thụ nhiên liệu (xăng, dầu) và tạo ra lượng khí thải lớn là nguyên nhân chính tạo sức ép cũng như gây ô nhiễm không khí, các chất gây ô nhiễm chủ yếu bao gồm: CO, SO_2 , NO_x , HC, hơi xăng dầu (VOCs), bụi PM_{10} , ... Đặc thù của nguồn phát thải từ hoạt động giao thông vận tải đường bộ là các nguồn thải thấp, phát thải tập trung vào một số khung giờ cao điểm khi mật độ phương tiện giao thông cao.

- *Hoạt động xây dựng:* Hoạt động xây dựng/tháo dỡ công trình, vận chuyển đất đá và vật liệu xây dựng là nguyên nhân gây bụi phát sinh.

- *Hoạt động sản xuất nông nghiệp và làng nghề:* Từ việc sử dụng phân bón vô cơ, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, đốt tàn dư thực vật (đốt rơm rạ...). Các hoạt động chăn nuôi theo quy mô nhỏ lẻ, chăn nuôi theo hộ gia đình, nên lượng chất thải trong chăn nuôi ít, không gây ảnh hưởng đến môi trường trên địa bàn thành phố; tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở chăn nuôi chưa đầu tư thu gom, xử lý mà xả trực tiếp ra môi trường.

- *Tác động từ các nguồn phát thải ở các vùng lân cận, các nguồn lan truyền tầm xa (ô nhiễm liên tỉnh):* Hiện nay, chưa có số liệu điều tra, khảo sát đầy đủ về các nguồn khí thải lớn nằm trên địa bàn các huyện giáp ranh với thành phố Đà Nẵng thuộc các tỉnh/thành phố Huế, Quảng Ngãi. Căn cứ theo Luật BVMT năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì mỗi địa phương có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng không khí cho nên tác động từ các nguồn phát sinh khí thải trong thời gian sắp tới sẽ được kiểm soát.

Các nguyên nhân gây ô nhiễm không khí trên địa bàn thành phố mang tính tổng hợp, trong đó giao thông và công nghiệp là hai nguồn chiếm tỷ trọng lớn, cần được ưu tiên kiểm soát trong giai đoạn đến.

IV. ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ ĐẾN SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Ô nhiễm môi trường không khí gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng và là nguyên nhân gián tiếp làm ảnh hưởng đến nền kinh tế cũng như vấn đề xã hội. Mức độ ảnh hưởng của từng đối tượng phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình trạng sức khỏe, nồng độ, loại chất ô nhiễm và thời gian tiếp xúc với môi trường ô nhiễm, nhóm cộng đồng nhạy cảm bao gồm người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ mang thai, người có bệnh mãn tính, phụ nữ có thai, người lao động ngoài trời.

- Bụi mịn (PM_{10} , $PM_{2.5}$) là tác nhân gây ô nhiễm không khí có ảnh hưởng nghiêm trọng đối với sức khỏe. Bụi có thể dễ dàng xâm nhập vào cơ thể con người thông qua đường hô hấp và có nguy cơ làm gia tăng mắc một số bệnh nguy hiểm như đột quỵ, tim mạch, ung thư,... Người thường xuyên phải tiếp xúc với bụi mịn có thể gặp phải các vấn đề về sức khỏe như hắt hơi, sổ mũi, khó thở, khô mắt,...; khi tiếp xúc lâu dài sẽ làm gia tăng nguy cơ suy giảm chức năng phổi, viêm phế quản mãn tính và tăng tỷ lệ tử vong do ung thư phổi và bệnh tim mạch. Tại Việt Nam, đối với nhóm tuổi từ 65 trở lên, gánh nặng bệnh tật do bụi mịn là bệnh nhồi máu cơ tim, và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính. Kết quả nghiên cứu của Đại học Y tế công cộng (2019) cho thấy, bụi $PM_{2.5}$ là một trong những nguyên nhân gây nên các bệnh nhiễm trùng hô hấp dưới với nhóm tuổi dưới 01 và 05. Bụi cũng là tác nhân gây một số bệnh về da liễu.

- Việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong hoạt động giao thông vận tải và công nghiệp dẫn tới phát sinh bụi và nhiều loại khí như SO_2 , NO_2 , CO. Phơi nhiễm với khí NO_2 sẽ làm tổn thương niêm mạc phổi, tăng nguy cơ mắc các bệnh về hô hấp, làm trầm trọng thêm các triệu chứng viêm phế quản ở trẻ em đang mắc bệnh hen suyễn. SO_2 là chất gây kích thích đường hô hấp mạnh, ảnh hưởng tới chức năng của phổi, gây viêm phổi, viêm phế quản mãn tính, bệnh mãn tính, tăng miễn cảm với những người mắc bệnh hen,...

- Ngoài bụi và khí thải, tiếng ồn cũng gây ra những tác hại đến sức khỏe như làm suy giảm và mất thính lực, căng thẳng tinh thần, rối loạn giấc ngủ, biến đổi hành vi con người, ảnh hưởng đến tim mạch, cơ quan tiêu hóa, suy giảm chất lượng lao động, học tập.

Các bệnh liên quan đến hô hấp có nhiều nguyên nhân gây ra, trong đó có nguyên nhân liên quan đến chất lượng không khí, không khí bị ô nhiễm.... cần có các nghiên cứu chuyên sâu bởi các chuyên gia y tế và các ngành, lĩnh vực liên quan. Hiện tại chưa có số liệu thống kê về số ca nhập viện, số ca tử vong, bệnh trạng liên quan đến ô nhiễm không khí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

PHẦN II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. QUAN ĐIỂM, MỤC ĐÍCH

1. Quan điểm

- Quản lý chất lượng môi trường không khí phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tuân thủ các quy định quốc gia để đảm bảo tính hiệu quả, lấy phòng ngừa ô nhiễm là chính, kết hợp với xử lý, khắc phục ô nhiễm, từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường không khí xung quanh.

- Quản lý chất lượng môi trường không khí phải dựa trên phân tích chi phí lợi ích, được tiến hành thường xuyên, trọng tâm, trọng điểm, lộ trình quản lý phù hợp với điều kiện của địa phương, tuân thủ các quy định quốc gia.

- Quản lý chất lượng môi trường không khí là trách nhiệm của chủ các nguồn phát thải và các cơ quan quản lý nhà nước, các cấp chính quyền địa phương với sự giám sát của nhân dân.

2. Mục đích

- Phân công nội dung công việc cho các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường, đặc khu trong công tác quản lý, kiểm soát ô nhiễm không khí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Triển khai thực hiện, cụ thể hóa các nội dung liên quan đến trách nhiệm UBND cấp tỉnh theo Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ đối với công tác quản lý chất lượng không khí.

II. MỤC TIÊU QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

1. Mục tiêu chung

Tăng cường công tác quản lý chất lượng môi trường không khí thành phố Đà Nẵng thông qua kiểm soát chặt chẽ nguồn phát sinh khí thải, giám sát, cảnh báo, dự báo chất lượng không khí nhằm bảo đảm sức khỏe cộng đồng, phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường kiểm soát khí thải từ các nguồn thải trên địa bàn thành phố, trong đó, ưu tiên khu vực của các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao, Cụm công nghiệp, làng nghề, cũng như việc kiểm soát khí thải các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kiểm soát tốt nguồn khí thải từ hoạt động giao thông cơ giới đường bộ nhằm tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành ở Việt Nam và các quy định của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn Euro 4.

- Đảm bảo 100% dự án, cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định phải thực hiện đầu tư, lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định và kết nối, truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, giám sát; 100% dự án, cơ sở xả khí thải phải có hệ thống xử lý khí thải đảm bảo việc khí thải sau khi được xử lý, trước khi xả thải phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường; không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường không khí nghiêm trọng.

- Kiểm soát hiệu quả các nguồn khí thải phát sinh từ các hoạt động dân sinh, xây dựng, nông nghiệp; hạn chế tối đa và tiến tới chấm dứt đốt phế phẩm nông nghiệp tự phát sau thu hoạch; 100% các trang trại chăn nuôi quy mô lớn có công trình xử lý chất thải đảm bảo quy định; 100% công trình xây dựng thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường trong thi công và vận chuyển nguyên vật liệu.

- Quản lý chất lượng môi trường không khí của thành phố đảm bảo đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí. Duy trì chỉ số chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố trong năm từ trung bình đến tốt (AQI<100).

- Tăng cường công tác giám sát, cảnh báo, dự báo chất lượng không khí tại các đô thị, các khu vực tập trung nhiều nguồn thải; Tăng cường đầu tư các trạm quan trắc môi trường không khí xung quanh tự động, liên tục phù hợp với tình hình thực tế nhằm để cập nhật, cung cấp thông tin diễn biến chất lượng môi trường không khí đến cộng đồng.

- Triển khai thực hiện Đề án di dời các cơ sở sản xuất ở các làng nghề vào các cụm công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu và xây dựng kế hoạch thực hiện việc chuyển đổi ngành, nghề sản xuất của cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành nghề không khuyến khích phát triển tại địa phương.

- Tăng cường công tác tập huấn, tuyên truyền về tác hại của ô nhiễm môi trường không khí và các biện pháp quản lý chất lượng không khí.

- 100% ý kiến phản ánh, khiếu nại về ô nhiễm môi trường không khí của người dân được giải quyết kịp thời.

- Từng bước khuyến khích người dân chuyển sang sử dụng phương tiện công cộng; cũng như khuyến khích sử dụng nhiên liệu sinh học, điện đối với các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường thành phố (bao gồm môi trường không khí).

- Xây dựng, ban hành kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình ra khỏi làng nghề theo

quy định tại điểm c khoản 5 Điều 35 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Ban hành Đề án di dời các cơ sở sản xuất ở các làng nghề vào các cụm công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu.

2. Các nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Nguồn điểm

- Thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo Phụ lục Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ nằm ngoài các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp về việc thực hiện lắp đặt, vận hành các hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Kiểm soát chặt chẽ các cơ sở sản xuất quy mô trung bình và nhỏ nằm trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Lập danh sách, đề xuất UBND thành phố bố trí địa điểm và lộ trình để di dời đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn, ưu tiên giải quyết những cơ sở gây ô nhiễm và không thể khắc phục theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

- Cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính;

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động của các cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định.

- Rà soát, đề xuất danh sách các khu vực (tổ dân phố/ khu dân cư) thuộc danh mục hạn chế hoặc cấm hoạt động chăn nuôi nhỏ lẻ nhằm chấm dứt tình trạng ô nhiễm môi trường do chăn nuôi nhỏ lẻ trên địa bàn thành phố.

- Khuyến khích các cơ sở công nghiệp sử dụng nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo, năng lượng điện trong sản xuất; đầu tư, đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị sản xuất; áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống chứng nhận theo TCVN ISO 14001; phát triển, ứng dụng các công nghệ xử lý, tái chế chất thải hướng tới kinh tế tuần hoàn.

2.2. Nguồn di động

- Phát triển hệ thống giao thông công cộng, ưu tiên năng lượng sạch (nhiên liệu điện, nhiên liệu sinh học), từng bước khuyến khích hình thành thói quen sử dụng phương tiện công cộng của người dân.

- Kiểm soát khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đang lưu hành, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông và các quy định của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn Euro 4.

- Kiểm soát chặt chẽ công tác đăng ký, đăng kiểm xe ô tô, xe mô tô đảm bảo tiêu chuẩn khí thải;

- Khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách đầu tư phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện môi trường để phát triển hệ thống vận tải hành khách theo hướng bền vững.

2.3. Nguồn điện

- Tiến tới chấm dứt tình trạng đốt phụ phẩm nông nghiệp tự phát sau thu hoạch; hướng dẫn quy trình kỹ thuật xử lý, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch thành các sản phẩm có ích; tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, yêu cầu các hộ dân thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng vào các thùng chứa công cộng tại cánh đồng; xử lý chất thải chăn nuôi của các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Nhân rộng các mô hình chăn nuôi xanh, chăn nuôi giảm phát thải, mô hình kinh tế nông nghiệp tuần hoàn bền vững trên địa bàn thành phố.

- Yêu cầu các cơ sở sản xuất thuộc ngành nghề không khuyến khích phát triển trong làng nghề phải chuyển đổi ngành nghề sản xuất hoặc di dời ra khỏi làng nghề.

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các chủ dự án, đơn vị quản lý, thi công các công trình xây dựng, các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng thực hiện các quy định, biện pháp về kiểm soát bụi, khí thải trong hoạt động xây dựng.

- Tăng diện tích đất cây xanh công cộng bình quân đầu người khu vực nội thành, nội thị .

- Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

- Chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn nhằm giảm phát thải, hạn chế mùi hôi từ việc chôn lấp chất thải.

3. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch truyền thông; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và môi trường không khí nói riêng cho cán bộ quản lý môi trường các cấp, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố.

- Đưa nội dung bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường không khí nói riêng vào chương trình giáo dục, đào tạo các cấp học của địa phương.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình quan trắc chất lượng môi trường thành phố theo Quyết định số 2573/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND thành phố về việc phê duyệt Chương trình quan trắc chất lượng môi trường thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030.

- Tăng cường đầu tư các trạm quan trắc môi trường không khí xung quanh tự động, liên tục phù hợp với tình hình thực tế nhằm để cập nhật, cung cấp thông tin diễn biến chất lượng môi trường không khí đến cộng đồng; công khai danh sách các cơ sở sản xuất phải lắp đặt, đã lắp đặt, chưa lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường liên tục tự động trên các phương tiện thông tin đại chúng và cổng

thông tin điện tử của địa phương.

- Huy động các nguồn xã hội hóa và các nguồn tài trợ của quốc tế cho công tác quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình và nguồn lực thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí

- Danh mục các chương trình, nhiệm vụ và lộ trình thực hiện được trình bày chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

- Nguồn lực thực hiện: Ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa, trách nhiệm tham gia của doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan.

Việc bố trí kinh phí thực hiện được thực hiện theo phân kỳ đầu tư, phù hợp khả năng cân đối ngân sách của thành phố.

2. Phân công nhiệm vụ

2.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch; đề xuất UBND thành phố tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; xây dựng và trình UBND thành phố phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cho giai đoạn tiếp theo.

- Triển khai thực hiện các chương trình, dự án theo phân công nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo.

- Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc của các đơn vị, tham mưu UBND thành phố xem xét sửa đổi, điều chỉnh nội dung thực hiện tại Kế hoạch này (nếu có), đảm bảo triển khai hiệu quả Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của thành phố.

2.2. Sở Tài chính

- Kiểm tra, rà soát các nhiệm vụ chi nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp và thẩm định dự toán kinh phí; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan chức năng tham mưu UBND thành phố tổng hợp trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố phê duyệt dự toán làm cơ sở thực hiện theo quy định.

- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố hàng năm, giai đoạn 5 năm và dài hạn.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

2.3. Các Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan

- Triển khai thực hiện các chương trình, dự án theo phân công nhiệm vụ tại Phụ lục kèm kèm theo; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15/12 hằng năm.

- Trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đề nghị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

Phụ lục

Các chương trình, nhiệm vụ kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí thành phố Đà Nẵng

STT	Tên chương trình, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
1	Xây dựng, hoàn thiện văn bản hướng dẫn, quy định quản lý chất lượng môi trường không khí				
1.1	Xây dựng, ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường thành phố (bao gồm môi trường không khí).	Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	2026 - 2027	Kế hoạch
1.2	Xây dựng kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình ra khỏi làng nghề theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 35 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở, Ban, ngành và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	Kế hoạch
1.3	Xây dựng kế hoạch, đề xuất ban hành Đề án di dời các cơ sở sản xuất ở các làng nghề vào các cụm công nghiệp có hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu.	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở, Ban, ngành và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	Đề án
2	Tăng cường kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm				
2.1	Thanh, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ nằm trong và ngoài các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp về việc thực hiện lắp đặt, vận hành các hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.	1. Sở Nông nghiệp và Môi trường 2. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp 3. Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng 4. Công an thành phố 5. Thanh tra thành	Công an Thành phố, Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	Hàng năm (2026 - 2030)	Kế hoạch

STT	Tên chương trình, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
		phố 6. UBND các xã, phường, đặc khu			
2.2	Kiểm soát chặt chẽ các cơ sở sản xuất nằm trong khu dân cư gây ô nhiễm môi trường không khí	1. Sở Nông nghiệp và Môi trường 2. UBND các xã, phường, đặc khu 3. Công an thành phố	Công an Thành phố, Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	Hàng năm (2026 - 2030)	Kế hoạch
2.3	Lập danh sách, đề xuất UBND thành phố bố trí địa điểm và lộ trình di dời đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn, ưu tiên giải quyết những cơ sở gây ô nhiễm và không thể khắc phục theo yêu cầu của cơ quan chức năng.	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	Kế hoạch
2.4	Thực hiện điều tra, khảo sát, thống kê số liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính; tổ chức kiểm kê khí nhà kính trong phạm vi quản lý; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; kiểm tra việc thực hiện hoạt động có liên quan đến giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	Số liệu
2.5	Tăng cường thanh, kiểm tra hoạt động của các cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định.	1. Sở Nông nghiệp và Môi trường 2. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp 3. Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	Hàng năm (2026 - 2030)	Kế hoạch

STT	Tên chương trình, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
		thành phố Đà Nẵng 4. Công an thành phố 5. Thanh tra thành phố 6. UBND các xã, phường, đặc khu			
2.6	Kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ sở đăng kiểm trong công tác kiểm định xe cơ giới; kiểm định khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy, bảo đảm tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định	1. Sở Xây dựng 2. Công an thành phố	Các chủ phương tiện và các đơn vị liên quan	Hàng năm (2026 - 2030)	-
2.7	Tổ chức thực hiện kiểm kê khí thải xây dựng, giao thông; nghiên cứu, tham mưu UBND thành phố các biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm từ bụi, khí thải trong quá trình lưu thông của các phương tiện giao thông, các loại xe cơ giới và các công trường thi công xây dựng trên địa bàn; chuyển đổi phương tiện sang sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh thân thiện với môi trường.	Sở Xây dựng	Các chủ phương tiện và các đơn vị liên quan	Hàng năm (2026 - 2030)	-
2.8	Hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện kiểm kê khí thải đối với các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất công nghiệp bên ngoài các khu công nghiệp thuộc đối tượng kiểm kê; kiểm soát, quản lý chặt chẽ việc phát sinh các loại hơi hoá chất độc hại, khí thải của các cơ sở sản xuất, đặc biệt là các cơ sở sản xuất hoá chất, nhiệt điện, xi măng trên địa bàn tỉnh.	Sở Công Thương	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu, và các đơn vị liên quan	Hàng năm 2026 - 2030	-
2.9	Tăng diện tích đất cây xanh công cộng bình quân đầu người khu vực nội thành, nội thị	Sở Xây dựng	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu,	2026 - 2030	Kế hoạch

STT	Tên chương trình, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
			và các đơn vị liên quan		
2.10	Xây dựng, triển khai các Quy hoạch đô thị bền vững bảo đảm các công trình xanh, tỷ lệ cây xanh, mặt nước trong đô thị đáp ứng yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra theo lộ trình.	Sở Xây dựng	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu, và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	-
2.11	Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.	1. Sở Nông nghiệp và Môi trường 2. Công an thành phố 3. UBND các xã, phường, đặc khu	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	Hàng năm (2026 - 2030)	Kế hoạch
2.12	Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các công trình xây dựng, cơ sở khai thác đá, vật liệu xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng thực hiện nghiêm túc các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu phát tán bụi, khí thải ra môi trường.	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở, Ban, ngành và các đơn vị liên quan	Hàng năm (2026 - 2030)	Kế hoạch
3	Nâng cao năng lực phòng ngừa, cảnh báo ô nhiễm				
3.1	Tăng cường công tác giám sát, cảnh báo, dự báo chất lượng không khí tại các đô thị, các khu vực tập trung nhiều nguồn thải theo; tăng cường đầu tư các trạm quan trắc môi trường không khí xung quanh tự động, liên tục phù hợp với tình hình thực tế nhằm đề cập nhật, cung cấp thông tin diễn biến chất lượng môi trường không khí đến cộng đồng theo nội dung Quyết định số 2573/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND thành phố về việc phê duyệt Chương trình quan trắc chất lượng môi trường thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	-

STT	Tên chương trình, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
3.2	Đầu tư hoàn thiện hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật môi trường đô thị (điểm tập kết rác, trạm trung chuyển rác, trạm phân loại rác, khu liên hợp xử lý rác...) với công nghệ tiên tiến	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	-
3.3	Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các chủ dự án, đơn vị quản lý, thi công các công trình xây dựng, các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng thực hiện các quy định, biện pháp về kiểm soát bụi, khí thải trong hoạt động xây dựng.	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở, Ban, ngành và các đơn vị liên quan	Hàng năm (2026 - 2030)	Kế hoạch
3.4	Xây dựng cập nhật bản đồ chất lượng không khí theo khu vực	Sở Nông nghiệp và Môi trường UBND các xã, phường, đặc khu	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	2028-2020	Bản đồ
4	Tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức				
4.1	- Khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách đầu tư phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện môi trường để phát triển hệ thống vận tải hành khách theo hướng bền vững; phát triển hệ thống giao thông công cộng (xe buýt điện, xe buýt tiêu chuẩn khí thải Euro V trở lên), ưu tiên năng lượng sạch (nhiên liệu điện, nhiên liệu sinh học); đẩy mạnh việc tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng phương tiện giao thông công cộng; xây dựng khu vực "Đường xanh - không khí sạch"	Sở Xây dựng	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	Quy định, hướng dẫn
4.2	Khuyến khích các dự án, cơ sở hoạt động công nghiệp sử dụng nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo, năng lượng điện trong sản xuất; đầu tư, đổi mới	Sở Công Thương	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	Quy định, hướng dẫn

STT	Tên chương trình, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	công nghệ, máy móc thiết bị sản xuất; áp dụng sản xuất sạch hơn, hệ thống chứng nhận theo TCVN ISO 14001; phát triển, ứng dụng các công nghệ xử lý, tái chế chất thải hướng tới kinh tế tuần hoàn.				
4.3	Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, công nghệ xử lý chất thải, tiết kiệm nhiên liệu; ưu tiên đầu tư nghiên cứu khoa học cho các hoạt động về quản lý chất lượng không khí; Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành thực hiện việc thẩm định công nghệ sản xuất của các dự án phát thải khí thải lớn phải thẩm định công nghệ trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	-
4.4	Tổ chức Hội thảo, tập huấn phổ biến các chính sách, quy định của pháp luật về môi trường có lồng ghép các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng môi trường không khí và kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	Hàng năm (2026 - 2030)	Hội thảo tuyên truyền, phổ biến
4.5	Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng ô nhiễm không khí tới sức khỏe; tuyên truyền phổ biến các hướng dẫn và cảnh báo các biện pháp bảo vệ sức khỏe trước tác động của ô nhiễm không khí, đưa ra các khuyến cáo để người dân ứng phó khi gặp tình trạng ô nhiễm không khí; Tăng cường công tác kiểm soát ô nhiễm từ các hoạt động đốt chất thải y tế của các bệnh viện, các cơ sở khám chữa bệnh.	Sở Y tế	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	Hàng năm (2026 - 2030)	Hội thảo tuyên truyền, phổ biến
4.6	Xây dựng quy định kỹ thuật xử lý, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch thành các sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026 - 2030	Quy định, Hướng dẫn

STT	Tên chương trình, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	phẩm có ích; tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, yêu cầu các hộ dân thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng vào các thùng chứa công cộng tại cánh đồng; xử lý chất thải chăn nuôi của các trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm.		và các đơn vị liên quan		
4.7	Nhân rộng các mô hình chăn nuôi xanh, chăn nuôi giảm phát thải, mô hình kinh tế nông nghiệp tuần hoàn bền vững trên địa bàn thành phố.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	-
4.8	Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường không khí; tổ chức các cuộc thi, phát động các phong trào nhằm truyền tải các thông điệp về bảo vệ môi trường, đặc biệt là đối với môi trường không khí để nâng cao ý thức cho các cán bộ, giáo viên và học sinh về bảo vệ môi trường; lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường không khí nói riêng vào chương trình giáo dục, đào tạo các cấp học của địa phương	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	2026 – 2030 (hàng năm)	-
4.9	Sử dụng các nguồn dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường không khí chính thống do các cơ quan có thẩm quyền thực hiện để cung cấp thông tin cho Nhân dân được biết	1. Sở Khoa học Công nghệ 2. Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Đà Nẵng	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	2026 – 2030 (hàng năm)	-
4.10	Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân không đốt chất thải rắn, rơm rạ sau thu hoạch; tổ chức thực hiện các biện pháp hạn chế phát sinh khí thải từ phương	UBND các xã, phường, đặc khu		2026 – 2030 (hàng năm)	-

STT	Tên chương trình, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	tiện giao thông và hoạt động xây dựng; đồng thời công khai thông tin về các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí, các cá nhân, tổ chức vi phạm các quy định pháp luật bảo vệ môi trường trên địa bàn trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân được biết.				
4.11	Chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn nhằm giảm phát thải, hạn chế mùi hôi từ việc chôn lấp chất thải	Các đơn vị có hoạt động xử lý chất thải	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	
4.12	Lắp đặt hệ thống xử lý trong trường hợp có phát sinh khí thải phải xử lý; đồng thời định kỳ báo cáo công tác bảo vệ môi trường cho các cơ quan chức năng theo đúng quy định	Các đơn vị có phát sinh khí thải	Sở, Ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	
4.13	Công bố định kỳ, đột xuất thông tin chất lượng môi trường không khí (AQI), khuyến cáo sức khỏe cho người dân khi chất lượng không khí suy giảm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Y tế Các cơ quan truyền thông báo, đài	2027-2030	Báo cáo